

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ - BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành và sửa đổi Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ - ĐHTN ngày 22/04/2013 Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ*” tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quy chế này được áp dụng tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp kể từ học kỳ II năm học 2015 - 2016 và thay thế cho các Quy chế trước đây có nội dung trái với Quy chế này.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- BGH (để b/c);
- Lưu VT; ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phan Quang Thế



## QUY CHẾ

### Đào tạo đại học chính quy theo Hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73.1 / QĐ-ĐHKTCN, ngày 24 tháng 12 năm 2015  
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo Hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra thường xuyên; thi kết thúc học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo Hệ chính quy, trình độ Đại học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên thực hiện theo hình thức tích luỹ tín chỉ.

### Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết, bài tập, thực hành, thí nghiệm, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên.

4. Trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quy định khối lượng kiến thức cho các chương trình như sau:

- Từ 120 đến 125 tín chỉ đối với đào tạo trình độ đại học 4 năm (gọi là chương trình 120 tín chỉ).

- Từ 150 đến 155 tín chỉ đối với đào tạo trình độ đại học 5 năm đối với các khóa tuyển sinh trước năm 2014 và 4,5 năm đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2015 (gọi là chương trình 150 tín chỉ).

Căn cứ vào khối lượng kiến thức của từng chương trình, Hiệu trưởng quy định

việc phân bổ các học phần và các hoạt động đào tạo khác cho từng học kỳ, năm học.

### **Điều 3. Học phần, Tín chỉ và Học phí tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng kiến thức từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức của mỗi học phần phải phù hợp với mức trình độ của năm học tổ chức giảng dạy và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần đều có mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn.

c. Hoạt động học tập, giảng dạy của mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một số các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Hướng dẫn thảo luận, thực hành, bài tập;
- Hướng dẫn thí nghiệm, thực tập, thực tập tốt nghiệp;
- Hướng dẫn đồ án môn học, bài tập lớn, khoá luận và đồ án tốt nghiệp, v.v...

Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần, các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước, phương pháp đánh giá, nội dung chính các chương, mục, giáo trình, tài liệu tham khảo, v.v... Đề cương chi tiết được trường khoa phê duyệt, công bố cùng chương trình và được giảng viên giới thiệu cho sinh viên ngay trong buổi học đầu tiên của học phần.

d. Riêng đối với các học phần tiếng Anh, sinh viên có thể đăng ký học trong trường hoặc tự học hoặc học tại cơ sở đào tạo ngoài trường, sau đó thi và trình chứng chỉ Toefl - ITP do Viện Khảo thí Hoa Kỳ tại Việt Nam cấp để được quy đổi điểm cho các học phần tiếng Anh theo Đề án: “Đánh giá kết quả tiếng Anh sinh viên hệ đại học chính quy dài hạn theo chuẩn quốc gia từ 2015”.

#### **+ Học phần tương đương và học phần thay thế**

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do khoa chuyên môn

đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho chương trình trong quá trình tổ chức đào tạo. Những học phần này được áp dụng cho tất cả các khóa, ngành hoặc hạn chế cho một số khóa, ngành.

**+ Học phần tiên quyết**

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

**+ Học phần học trước**

Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

**+ Học phần song hành**

Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên có thể học đồng thời cùng với học phần A.

**+ Học phần đặc biệt**

Các học phần đặc biệt là các học phần không tính tích lũy tín chỉ nhưng sinh viên phải học và được cấp chứng chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp bao gồm: học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, học phần ngoại ngữ (thí điểm).

3. Tín chỉ (TC) dùng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (trong tổ chức đào tạo, thường 1 tín chỉ của học phần lý thuyết được quy định bằng 12 tiết học lý thuyết và 6 tiết thảo luận); 30 tiết thảo luận; 30 tiết thực hành, thí nghiệm; 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án hoặc khoá luận tốt nghiệp; 60 giờ thực tập tại Trung tâm thực nghiệm.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học.

4. Một tiết học lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính là 50 phút.

5. Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần. Học phí sinh viên phải đóng trong mỗi học kỳ được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận, bằng tổng số học phí tín chỉ của từng học phần. Học phí tín chỉ của mỗi học phần bằng số tín chỉ học phí quy định cho học phần đó nhân với mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của học phần. Mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của từng học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng đối với các tín chỉ tiếng Anh không tích lũy đối với sinh viên hệ đại học chính quy đại trà mức tiền học phí/ 1 tín chỉ sẽ lấy theo Quy định về học tiếng Anh tăng cường của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động chuyên môn khác**

1. Thời gian hoạt động giảng dạy, học tập của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên:

Từ thứ ba đến thứ bảy hàng tuần

- Buổi sáng: từ 7.00' đến 11.00'

- Buổi chiều: Từ 13.30' đến 17.30'

- Buổi tối (có thể bố trí cho các học phần tiếng Anh hoặc trong các trường hợp đặc biệt): Từ 18.00' đến 21.00'

Riêng ngày thứ hai chỉ dành cho các hoạt động chuyên môn, không tổ chức giảng dạy trên lớp.

2. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu học tập, lịch thi kết thúc học phần cho phù hợp.

### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Khối lượng kiến thức đăng ký: tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận;

2. Điểm trung bình chung học kỳ: điểm trung bình có trọng số của các học phần (kể cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó (trừ các học phần học cải thiện điểm), với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá đạt (bằng các điểm chữ A, B, C, D) tính từ đầu khóa học;

4. Điểm trung bình chung tích lũy: điểm trung bình chung có trọng số của các học phần mà sinh viên tích lũy được (đã đạt) tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xem xét.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a. Khóa học là khoảng thời gian thiết kế tiêu chuẩn để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp quy định tổ chức các khóa học như sau:

- Đào tạo trình độ Đại học 4 năm hoặc 5 năm (4,5 năm đối với riêng các khóa tuyển sinh từ năm 2015) cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Đào tạo trình độ Đại học 1,5 năm hoặc 2 năm đối với những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng Hệ chính quy cùng ngành đào tạo.

b. Một năm học gồm hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 16 tuần, trong đó có ít nhất 15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra thường xuyên,

1 tuần nghỉ giữa học kỳ (term break - để sinh viên hoàn thành bài tập, bài tập lớn, v.v... và để giảng viên hoàn thiện việc chấm bài tập, bài kiểm tra.v.v..) và 3 đến 5 tuần thi kết thúc học phần. Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường không tổ chức học kỳ phụ vào dịp hè. Giảng viên cơ hữu tại các khoa, bộ môn trực thuộc trường, trung tâm đào tạo và sinh viên được nghỉ hè theo kế hoạch cụ thể của Nhà trường.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Phòng Đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh dự kiến phân bổ số học phần cụ thể cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình bao gồm: 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của điều này.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (ưu tiên 1 và 2) theo quy định tại Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình, trừ khi thuộc diện bị buộc thôi học.

### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác Học sinh - Sinh viên của trường quản lý và một túi do khoa quản lý.

2. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành đúng thời hạn theo giấy báo nhập học. Nếu nhập học chậm sau 2 tuần không có lý do chính đáng, sinh viên coi như bỏ học.

3. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, trong 3 tuần đầu tiên của học kỳ, phòng Công tác Học sinh - Sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận sinh viên chính thức của trường và cấp cho sinh viên:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Thông tin về lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm (cố vấn học tập).

4. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên thông qua tuần giáo dục công dân đầu khóa, sổ tay sinh viên và Website của trường.

5. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện đầu vào theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính quy nhưng chỉ được cấp chứng chỉ môn học, không được hưởng các chế độ của sinh viên.

## **Điều 8. Phân chuyên ngành và chuyển ngành đào tạo**

Trong kỳ thi tuyển sinh, nếu thí sinh trúng tuyển vào trường theo đúng ngành đào tạo, Nhà trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành ngay từ đầu khoá học. Sau 2 học kỳ hoặc sớm hơn, Nhà trường căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và kết quả học tập để phân chuyên ngành khi kết thúc các học phần chung của ngành. Hiệu trưởng sẽ quy định tiêu chí và quy trình phân chuyên ngành cụ thể cho từng năm và giao cho khoa chuyên môn triển khai.

Việc chuyển ngành đào tạo trong Trường thực hiện theo đúng quy định về chuyển trường của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

## **Điều 9. Tổ chức lớp học**

### **1. Lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm**

Lớp sinh viên tổ chức theo khoá học của ngành đào tạo. Lớp sinh viên duy trì trong cả khoá đào tạo, có tên riêng, có lớp trưởng, hệ thống đoàn, hội sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một giáo viên chủ nhiệm.

Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong việc lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn bộ khoá học.v.v. Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

### **2. Lớp học phần**

Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa trên kết quả đăng ký học tập của sinh viên, có thời khoá biểu, lịch thi, mã số riêng. Mỗi lớp học phần có một lớp trưởng, lớp phó do giảng viên phụ trách học phần chỉ định.

Số lượng sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần là 30, trường hợp đặc biệt Hiệu trưởng quyết định theo tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng không vượt quá 5 lớp/1 học kỳ chính. Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn quy định nói trên, lớp học phần sẽ bị hủy và sinh viên phải đăng ký chuyển sang lớp khác hoặc học những học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức tối thiểu quy định trong mỗi học kỳ.

## **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo công khai kế hoạch học tập dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, liệt kê các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên nên tham khảo giáo viên chủ nhiệm về các học phần dự định sẽ đăng ký trong học kỳ để được tư vấn.

Có 3 hình thức đăng ký học phần trong mỗi học kỳ: sớm, bình thường và muộn.

a. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ từ 1 đến 2 tháng;

b. Đăng ký bình thường được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c. Đăng ký muộn được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác.

3. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a. Tối thiểu 14 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;

b. Tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 20 tín chỉ (trừ học kỳ cuối khoá học) đối với những sinh viên xếp hạng học lực yếu;

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết hoặc học trước của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Nhà trường chỉ chấp nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên trực tuyến qua hệ thống đăng ký Eduweb của Nhà trường. Kết quả đăng ký học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ được phòng Đào tạo xử lý, thống kê, tổng hợp và lưu giữ cả dưới dạng files và bản in.

#### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận trong 2 tuần đầu học kỳ chính theo thông báo của Nhà trường. Ngoài thời hạn nêu trên, nếu sinh viên tự ý bỏ học sẽ phải nhận điểm F và vẫn phải nộp học phí các học phần đó.

Việc rút học phần phải thực hiện trực tuyến trên Eduweb.

2. Khi rút học phần trong thời gian quy định trong khoản 1 của Điều này, sinh viên không phải nộp học phí của học phần đã rút. Nếu sau thời gian quy định trong khoản 1 của điều này, trước khi thi kết thúc học phần, sinh viên muốn rút học phần phải viết đơn gửi Trưởng phòng Đào tạo, nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ không phải nhận điểm F nhưng vẫn phải nộp học phí của học phần đó.

3. Việc rút học phần không được vi phạm khoản 3, Điều 10 của Quy chế này. Chỉ sau khi có giấy báo của phòng Đào tạo cho giảng viên phụ trách lớp học phần, sinh viên mới được phép bỏ lớp đối với các học phần xin rút bớt.

#### **Điều 12. Đăng ký học lại và học cải thiện điểm**

1. Sinh viên có điểm học phần của học phần bắt buộc là F thì phải đăng ký học lại học phần đó cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Đối với những học phần đang còn tổ chức đào tạo sinh viên bắt buộc phải đăng ký học lại những học phần đó, chỉ những học phần không còn tổ chức đào tạo nữa sinh viên mới có thể đăng ký học các học phần thay thế.

2. Sinh viên có điểm học phần của học phần tự chọn là F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Việc đăng ký học cải thiện điểm chỉ áp dụng đối với sinh viên có điểm học phần là C và D theo thủ tục nêu ở mục 1 và 2.

#### **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ thi, phải viết đơn xin phép



kèm theo giấy xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên gửi Trưởng phòng Đào tạo trong vòng một tuần kể từ ngày ốm (trường hợp đặc biệt do Trưởng phòng Đào tạo xem xét quyết định).

#### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo của sinh viên như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Có khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ hai: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ và ĐTBCTL  $\geq 1,4$
- Sinh viên năm thứ ba: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ và ĐTBCTL  $\geq 1,6$
- Sinh viên năm thứ tư: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ và ĐTBCTL  $\geq 1,8$
- Sinh viên năm thứ năm: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a. Hạng bình thường: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b. Hạng yếu: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học.

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời và cho thôi học**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học một trong các trường hợp sau:

a. Được động viên vào các lực lượng vũ trang.

b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên.

c. Vì nhu cầu cá nhân. Sinh viên phải học ở trường ít nhất một học kỳ, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại điều 16 của quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức được quy định tại khoản 3 điều 6 của quy chế này.

Hội đồng Nhà trường gồm Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng Khoa chuyên môn sẽ xem xét cho phép sinh viên được nghỉ học tạm thời. Mỗi năm học chỉ xem xét 2 lần.

2. Sinh viên được nghỉ học tạm thời, trước khi muốn trở lại tiếp tục học tập phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới và Nhà trường phải